

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 01 /2016/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vị Thanh, ngày 21 tháng 01 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp  
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,  
Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

X Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về  
việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

X Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng  
Chính phủ về việc một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao  
được tập trung tập huấn và thi đấu;

X Căn cứ Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng  
Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người  
làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn;

X Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 07  
tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao  
và Du lịch về việc hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động  
viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

X Căn cứ Nghị quyết số 18/2015/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu  
hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên  
địa bàn tỉnh Hậu Giang, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Sửa đổi chế độ chi nhuận bút, bồi dưỡng các hoạt động văn hóa thông tin và  
nghệ thuật.

Phạm vi và đối tượng áp dụng: Đoàn ca múa nhạc dân tộc, Trung tâm Văn hóa  
và các đơn vị, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thông tin và nghệ thuật.

(Đính kèm Phụ lục I)

2. Sửa đổi, bổ sung chế độ dinh dưỡng đối với Huấn luyện viên, Vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện, thi đấu và bổ sung định mức khen thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực, cụ thể như sau:

a) Chế độ dinh dưỡng đối với Huấn luyện viên, Vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu:

- Chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung tập luyện:
- + Đội tuyển cấp tỉnh: 120.000 đồng/người/ngày;
- + Đội tuyển trẻ cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/ngày;
- + Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/ngày;
- + Đội tuyển cấp huyện: 70.000 đồng/người/ngày;
- + Đội tuyển trẻ cấp huyện: 60.000 đồng/người/ngày;
- + Đội tuyển năng khiếu cấp huyện: 50.000 đồng/người/ngày.

Thời gian tập trung tập luyện do các cấp có thẩm quyền quy định dựa trên nguồn kinh phí đào tạo huấn luyện của đơn vị và nhu cầu phát triển cụ thể của từng môn. Thời gian thi đấu theo điều lệ của từng giải, đối với những môn không hưởng chế độ dinh dưỡng tập trung tập luyện thì thời gian tập trung tập luyện: Không quá 45 ngày cho môn Bóng đá và không quá 30 ngày cho các môn còn lại.

- Chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung thi đấu:
- + Đội tuyển cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày;
- + Đội tuyển trẻ cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- + Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- + Đội tuyển cấp huyện: 120.000 đồng/người/ngày;
- + Đội tuyển trẻ cấp huyện: 100.000 đồng/người/ngày;
- + Đội tuyển năng khiếu cấp huyện: 90.000 đồng/người/ngày.

Nguồn kinh phí chi trả cho chế độ này được cân đối trong dự toán kinh phí sự nghiệp Văn hóa, Thông tin - Thể dục, Thể thao được giao hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước về phân cấp ngân sách Nhà nước.

b) Định mức khen thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực.

*(Đính kèm Phụ lục II)*

3. Chi hỗ trợ đối với công chức, viên chức công tác tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh (trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội), cụ thể như sau:

- Công chức, viên chức thường xuyên, trực tiếp khám, điều trị, chăm sóc bệnh nhân được hưởng mức hỗ trợ là 1.800.000 đồng/người/tháng;

- Công chức, viên chức không trực tiếp khám, điều trị, chăm sóc bệnh nhân được hưởng mức hỗ trợ là 1.000.000 đồng/người/tháng.

Nguồn kinh phí chi trả cho chế độ này được bố trí trong dự toán được giao hàng năm theo quy định hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Các quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 05/2010/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 68/2005/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc ban hành chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Mục B, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc ban hành, sửa đổi một số chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và các quy định trước đây trái với Quyết định này đều không còn hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. **r**

Nơi nhận: **r**

- VP. Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP. TU và các Ban đảng;
- UBMTTQVN, các Đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH. TĐ

E:\2016\qđpq\STC\_sua doi che do  
chi tieu HCSN 2016

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



**Đông Văn Thanh**



Phụ lục I

**CHẾ ĐỘ CHI NHUẬN BÚT, BỒI DƯỠNG CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA THÔNG TIN VÀ NGHỆ THUẬT**

(Kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

**A. Chế độ nhuận bút, bồi dưỡng cho hoạt động văn hóa thông tin và nghệ thuật (cấp tỉnh):**

**I. Sáng tác:**

STT	Loại hình	Đơn vị	Định mức (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Kịch bản lễ hội cấp khu vực, cấp tỉnh	Chương trình	6.000 - 15.000	Tùy theo quy mô, thời gian, không gian, lực lượng diễn viên sẽ định mức thù lao cụ thể từng kịch bản theo khung giá
2	Kịch bản thông tin lưu động	Vở	1.700 - 2.100	Từ 20 phút đến 30 phút
3	Tiểu phẩm sân khấu	Vở	450 - 700	Từ 10 phút đến 15 phút
4	Cải lương, kịch ngắn	Vở	1.600 - 2.200	Từ 20 phút đến 45 phút
5	Ca khúc	Bài	220 - 450	
6	Bài ca cổ, bản vấn	Bài	150 - 320	
7	Sáng tác nhạc trong kịch	Bài	450 - 750	Cho các vở thông tin cổ động và kịch ngắn trong đó có 01 ca khúc chủ đề
8	Kịch bản chương trình ca nhạc bình thường	Chương trình	300 - 500	Từ 80 đến 90 phút
9	Kịch bản chương trình ca múa nhạc dự thi	Chương trình	1.000 - 2.000	Khu vực, toàn quốc
10	Biên tập nhạc trong kịch (kịch ngắn thông tin lưu động, chập cải lương)	Bài	180 - 300	Chọn nhạc từ nguồn có sẵn trong băng, đĩa
11	Múa đơn, đôi, ba - có tình tiết (Solo, Duo, Trio)	Tiết mục	450 - 750	Từ 5 phút đến 10 phút
12	Múa tập thể có tình tiết	Tiết mục	450 - 750	Từ 5 phút đến 10 phút
13	Múa tập thể: sinh hoạt, minh họa	Tiết mục	500 - 800	Từ 5 phút đến 10 phút
14	Múa - sáng tác nhạc cho tiết mục múa	Tiết mục	350 - 600	Cả hòa âm phối khí - thành phẩm
15	Thiết kế, biên tập chương trình ca múa nhạc kịch (tạp kỹ)	Chương trình	600 - 1.100	Từ 60 phút đến 90 phút
16	Hòa âm, phối khí ca khúc	Bài	300 - 500	
17	Phác thảo tranh cổ động, pano	Bức	220 - 450	Tùy theo khổ đứng 2x3 hay khổ nằm 4x12 mà chi trả theo khung giá
18	Sáng tác Market sân khấu, lễ hội	Cuộc	200 - 400	
19	Đề cương triển lãm ảnh	Cuộc	150 - 300	
20	Đề cương tờ gấp, buru ảnh	Tờ	150 - 200	
21	Market tờ gấp, buru ảnh	Tờ	200 - 250	

## II. Đạo diễn, dàn dựng, chỉ đạo nghệ thuật:

STT	Loại hình	Đơn vị	Định mức (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Tổng đạo diễn kịch bản lễ hội	Cuộc	5.000 - 10.000	Tùy theo quy mô, thời gian, không gian, lực lượng diễn viên sẽ định mức thù lao cụ thể từng kịch bản theo khung giá
2	Phó tổng đạo diễn chương trình lễ hội	Cuộc	Từ 40 - 50% của Tổng đạo diễn	
3	Đạo diễn, dàn dựng tiểu phẩm	Vở	300 - 400	
4	Đạo diễn, dàn dựng kịch bản tuyên truyền cổ động, chấp cải lương, kịch ngắn	Vở	1.200 - 1.600	Từ 30 đến 45 phút
5	Đạo diễn chương trình ca múa nhạc	Chương trình	1.000 - 1.500	Chỉ chi cho chương trình dự thi và lễ hội
6	Dàn dựng tiết mục ca (đơn, song, tốp)	Tiết mục	90 - 130	Chỉ chi cho chương trình dự thi và lễ hội
7	Duyệt phác thảo market, bài ca cổ động, chương trình nghệ thuật	Người	50 - 100	
8	Đạo diễn, dàn dựng hoạt cảnh	Tiết mục	450 - 750	
9	Chỉ đạo nghệ thuật, chỉ huy chương trình, tổ chức biểu diễn	Tiết mục	350 - 550	Tiết mục từ 5 đến 10 phút; Chương trình lễ hội hưởng 15% - 20% của Tổng đạo diễn

## III. Bồi dưỡng biểu diễn và báo cáo chương trình:

STT	Loại hình	Đơn vị	Định mức (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Diễn viên (ca, múa, kịch)	Ngày	CBNV: 80 - 120 CTV: 100 - 120	Tùy theo tính chất công việc sẽ chi trả theo khung giá
2	Nhạc công, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, hậu đài	Ngày	CBNV: 80 - 120 CTV: 100 - 120	Tùy theo tính chất công việc sẽ chi trả theo khung giá
3	Phục vụ, bảo vệ, vệ sinh	Ngày	50 - 80	
4	Dẫn chương trình và giới thiệu	Cuộc	150 - 200	Chỉ áp dụng đối với các chương trình công diễn, liên hoan hội thi, hội diễn; đối với các chương trình hoạt động thường xuyên của đơn vị mức thù lao bằng với diễn viên
5	Tổng đài	Chương trình	200 - 300	Chỉ áp dụng đối với các chương trình công diễn, liên hoan hội thi, hội diễn; đối với các chương trình hoạt động thường xuyên của đơn vị mức thù lao bằng với diễn viên

**IV. Tập-đot:**

- Chương trình bình thường và dự thi cấp tỉnh, cấp huyện từ 10 đến 20 ngày.
- Chương trình lễ hội và dự thi cấp Trung ương, khu vực không quá 25 ngày.

STT	Loại hình	Đơn vị	Định mức (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Diễn viên	Ngày	40 - 50	- Tùy theo tính chất công việc sẽ chi trả theo khung giá. - Cộng tác viên thuê bên ngoài (nếu có)
2	Nhạc công, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng	Ngày	CBNV: 40 - 50 CTV: 50 - 60	
3	Hậu đài, bảo vệ, vệ sinh	Ngày	30 - 40	

**V. Ban Tổ chức, Ban Giám khảo liên hoan, hội thi, hội diễn...**

Trưởng ban cộng thêm 10%, Phó trưởng ban được cộng thêm 5% ngoài định mức chi phí dưới đây:

STT	Loại hình	Đơn vị	Định mức (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Ban Tổ chức	Ngày	50 - 60	Các Ban Tổ chức mời Trung ương, Khu vực theo giá thỏa thuận. Tùy theo tính chất công việc sẽ chi trả theo khung giá
2	Ban Giám khảo	Buổi	150 - 200	Các Ban Giám khảo mời Trung ương, Khu vực theo giá thỏa thuận. Tùy theo tính chất công việc sẽ chi trả theo khung giá
3	Thư ký	Buổi	60 - 80	

**VI. Nhuận bút tin ảnh, tập san, kỷ yếu, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ do ngành Văn hóa Thông tin phát hành:**

STT	Loại hình	Đơn vị	Định mức (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Biên tập ảnh	Tập	100 - 130	
2	Biên tập tập san, tài liệu, kỷ yếu	Tập	300 - 700	
3	Chịu trách nhiệm xuất bản	Tập	250 - 600	
4	Họa sĩ, đồ họa, Market tập san	Tập	300 - 400	
5	Morate (Dò sửa tin ảnh)	Tờ	60	
6	Morate (Dò sửa tập san, tài liệu, kỷ yếu)	Tập	200	
7	Bài viết cổ động	Bài	100 - 150	
8	Bài viết từ 500 - 800 chữ	Bài	100 - 150	
9	Bài viết từ 800 chữ trở lên	Bài	150 - 200	
10	Tin văn	Bài	50 - 80	

11	Thơ	Bài	50 - 80	
12	Tranh biếm họa, câu đối	Tranh, câu	50 - 80	
13	Ảnh bìa	Ảnh	130	Ảnh được chọn
14	Ảnh thời sự + chú thích	Ảnh	30 - 50	
15	Ảnh nghệ thuật	Ảnh	80	
16	Market tin ảnh	Tờ	100	
17	Trình bày trang bìa tập san	Tập	250	
18	Đề cương tin ảnh	Tờ	80 - 100	
19	Đề cương tập san dưới 50 trang	Tập	100 - 130	
20	Đề cương tập san trên 50 trang	Tập	120 - 150	
21	Biên tập ảnh triển lãm: 30 ảnh trở lên	Cuộc	100 - 130	

#### B. Cấp huyện:

- Mức chi bằng 70% mức chi của tỉnh đối với các loại hình. Riêng mức chi về cổ động trực quan bằng mức chi của tỉnh.
- Khi tham dự liên hoan, hội thi, hội diễn cấp tỉnh trở lên được chi theo mức chi cấp tỉnh.

#### C. Cấp xã:

- Mức chi bằng 50% mức chi của tỉnh đối với các loại hình. Riêng mức chi về cổ động trực quan bằng mức chi của tỉnh.
- Khi tham dự liên hoan, hội thi, hội diễn cấp tỉnh trở lên được chi theo mức chi cấp tỉnh.

**D. Hoạt động văn hóa nghệ thuật chuyên nghiệp:** Đối với những trường hợp phải thuê mướn các tác giả chuyên nghiệp dàn dựng theo yêu cầu, thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận theo từng vở diễn, chương trình cụ thể.

Phụ lục II

**ĐÌNH MỨC KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN  
LẬP THÀNH TÍCH TẠI CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO KHU VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)



**I. Giải vô địch Khu vực:**

Đvt: 1.000 đồng

STT	Nội dung	HCV	HCB	HCD
1	Cá nhân	1.000	700	500
2	Những môn mang tính đồng đội	500 x Số lượng vận động viên	350 x Số lượng vận động viên	250 x Số lượng vận động viên
3	Những môn thể thao tập thể:			
	Từ 5 đến 12 vận động viên	450 x Số lượng vận động viên	350 x Số lượng vận động viên	250 x Số lượng vận động viên
	Từ 13 đến 21 vận động viên	350 x Số lượng vận động viên	250 x Số lượng vận động viên	200 x Số lượng vận động viên
	Từ 22 đến 30 vận động viên	300 x Số lượng vận động viên	200 x Số lượng vận động viên	150 x Số lượng vận động viên
	Từ 31 vận động viên trở lên	250 x Số lượng vận động viên	150 x Số lượng vận động viên	100 x Số lượng vận động viên

**II. Giải trẻ khu vực**

Đvt: 1.000 đồng

STT	Nội dung	HCV	HCB	HCD
1	Cá nhân	700	500	300
2	Những môn mang tính đồng đội	350 x Số lượng vận động viên	250 x Số lượng vận động viên	200 x Số lượng vận động viên
3	Những môn thể thao tập thể			
	Từ 5 đến 12 vận động viên	300 x Số lượng vận động viên	250 x Số lượng vận động viên	200 x Số lượng vận động viên
	Từ 13 đến 21 vận động viên	250 x Số lượng vận động viên	200 x Số lượng vận động viên	150 x Số lượng vận động viên
	Từ 22 đến 30 vận động viên	200 x Số lượng vận động viên	150 x Số lượng vận động viên	120 x Số lượng vận động viên
	Từ 31 vận động viên trở lên	150 x Số lượng vận động viên	120 x Số lượng vận động viên	100 x Số lượng vận động viên